TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/DS-ST
Ngày: 01/9/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; ông Nguyễn Quang Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2017/TLST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2017, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Krông Nô, Đăk Nông.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Ng.

3. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ch: Bà Lê Thị Ng, theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2017.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Krông Nô, Đăk Nông.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị N trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên từ năm 2010 gia đình ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị N có bán phân bón cho gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ng và cũng nhiều lần ông T, bà N cho ông C, bà Ng chốt cà phê, vay tiền. Đến ngày 01/02/2016 hai bên đối chiếu công nợ với nhau thì gia đình ông C, bà Ng còn nợ của ông T, bà N số tiền là 140.000.000 đồng. Hai bên thống nhất viết thành giấy mượn tiền và thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ vào ngày 01/12/2016, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là

2%/tháng/140.000.000 đồng. Đến ngày 16/12/2016 ông C, bà Ng đã trả cho ông T, bà N 40.000.000 đồng. Hiện nay ông C, bà Ng còn nợ của ông T, bà N là 100.000.000 đồng, đã nhiều lần ông T, bà N yêu cầu ông C, bà Ng trả nợ nhưng ông C, bà Ng vẫn không trả, nên ông T, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà Ng phải trả cho ông T, bà N 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/12/2016 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị Ng trình bày:

Bà Lê Thị Ng thừa nhận từ năm 2010 ông C, bà Ng có mua phân bón của ông T, bà N ngoài ra thì ông C, bà Ng còn vay tiền, chốt cà phê của ông T, bà N. Đến ngày 01/02/2016 giữa hai bên chốt nợ với nhau thì ông C, bà Ng còn nợ của ông T, bà N số tiền là 140.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ vào ngày 01/12/2016 . Đến ngày 16/12/2016 ông C, bà Ng đã trả cho ông T, bà N 40.000.000 đồng. Hiện nay ông C, bà Ng còn nợ của ông T, bà N là 100.000.000 đồng. Trong đó số nợ gốc là 23.000.000 đồng còn lại là tiền lãi.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà Ng trả 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/12/2016 thì ông C, bà Ng không đồng ý. Ông C, bà Ng chỉ chấp nhận trả 23.000.000 đồng nợ gốc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi hiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ng phải trả 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho ông T, bà N

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ng phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ng phải trả số tiền 100.000.000 đồng. Trong đó có tiền mua phân bón, tiền chốt cà phê và tiền vay. Tại thời điểm ông T, bà N khởi kiện ông C, bà Ng có nơi cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, giữa các đương sự không có sự thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và tranh chấp giữa các bên là kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và kiện "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 01/02/2016 giữa ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ng có chốt nợ với nhau, số tiền mà ông C, bà Ng còn nợ của ông T, bà N là 140.000.000 đồng (trong đó bao gồm tiền mua phân bón, tiền chốt cà phê và tiền vay). Hai bên thống nhất viết thành giấy vay tiền và thỏa thuận đến ngày 01/12/2016 ông C, bà Ng có trách nhiệm trả cho ông T, bà N số tiền trên. Ngày 16/12/2016 ông C, bà Ng đã trả cho ông T, bà N 40.000.000 đồng. Do ông C, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà Ng phải trả số tiền 140.000.000 và lãi suất theo quy định của pháp luật. Việc ông C, bà Ng nợ tiền mua phân, tiền chốt cà phê và tiền vay là có thật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Ông T, bà N rút 40.000.000 đồng nợ gốc. Xét thấy việc ông T, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện là do ý chí tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Đối với việc ông C, bà Ng cho rằng ông, bà bị ép buộc phải ký vào giấy mượn tiền ngày 01/02/2016 với số tiền 140.000.000 đồng, nhưng ông, bà không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình, do dó việc ông C, bà Ng cho rằng bị ép buộc ký vào giấy vây tiền trên là không có căn cứ.

[4]. Đối với việc ông C, bà Ng cho rằng ông bà còn nợ của ông T, bà N số tiền 100.000.000 đồng, trong đó bao gồm 23.000.000 đồng nợ gốc và 77.000.000 tiền lãi. Tuy nhiên ông, bà không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình, do dó việc ông C, bà Ng cho rằng số tiền nợ còn lại là 100.000.000 đồng thì nợ gốc chỉ có 23.000.000 đồng còn lại là tiền lãi là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi suất Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 01/02/2016 giữa ông T, bà N và ông C, bà Ng chốt nợ với nhau, số tiền ông C, bà Ng nợ của ông T, bà N là 140.000.000 đồng từ việc mua phân bón, chốt cà và vay tiền của nhiều năm. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ vào ngày 01/12/2016, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất. Số tiền 140.000.000 bao gồm tiền mua phân bón, tiền chốt cà phê nhân và tiền vay nhưng các bên đương sự không xác định được trong số tiền nợ trên thì nợ bao nhiêu tiền mua phân; bao nhiêu tiền chốt cà phê nhân và bao nhiêu tiền vay. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất cho thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ngày 16/12/2016 ông C, bà Ng đã trả cho ông T, bà N 40.000.000. Nay ông T, bà N yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng. Ông C, bà N phải chịu lãi suất đối với số tiền 100.000 000 đồng từ ngày 17/12/2016 đến ngày xét xử. Cụ thể: 100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 08 tháng 15 ngày = 6.375.000 đồng.

Như vậy số tiền lãi mà ông C, bà Ng phải trả cho ông T, bà N là: 6.375.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi ông C, bà Ng phải trả cho ông T, bà N là 106.375.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi là 6.375.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy việc khởi kiện của ông T, bà N được chấp nhận nên ông C, bà Ng phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 305, Điều 428, Điều 438, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ng phải trả cho ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N 106.375.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi là 6.375.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (dối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cà các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Ng phải nộp 5.319.000 đồng (làm tròn) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị N 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003444/ Bl – THA, ngày 27/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

LÊ THỊ TÍM